

## CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88

Địa chỉ: Số 272, tổ 3, ph- ờng Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên.  
Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com](mailto:sonngotri99999@gmail.com)



# HỒ SƠ

## GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

ĐIỆN BIÊN, NĂM 2026

## MỤC LỤC

<b>Phần I.</b>	Thông tin chung
<b>Phần II.</b>	Tư cách pháp nhân
<b>Phần III.</b>	Giới thiệu năng lực
1.	Tổ chức nhân sự
2.	Hệ thống trang thiết bị và máy móc
3.	Các phần mềm tin học ứng dụng
<b>Phần IV.</b>	Chứng chỉ kiểm định thiết bị

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY**

**Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272, Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)*

---

**PHẦN I**

**TƯ CÁCH PHÁP NHÂN**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 5600358212**

*Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 03 năm 2026*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 07 tháng 04 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số nhà 272, Tổ dân phố 3, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

Điện thoại: 0812 888122

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 1.600.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ KIỀU OANH      Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 22/08/1991      Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 040191024585

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 380, Tầng 2, Tổ dân phố 8, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ KIỀU OANH      Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 22/08/1991      Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 040191024585

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 380, Tầng 2, Tổ dân phố 8, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*



**TRƯỞNG PHÒNG**

*Nguyễn Thị Kiều Oanh*  
*Trịnh Thị Lan Hương*

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY**

**Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272, Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)*

---

**PHẦN II**

**GIỚI THIỆU NĂNG LỰC**

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

## **Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88.**

**Trụ sở chính:** Số 272, Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

**Điện thoại:** 0812.888.122 - **Email:** [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)

Mặc dù là một công ty mới thành lập nhưng với tiêu chí lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ làm hàng đầu nên ngay từ ban đầu Công ty đã chú trọng đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác khảo sát, kiểm định cùng các phần mềm tin học tiên tiến phục vụ công tác tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát. Song song với việc đổi mới và cập nhật công nghệ, Công ty cũng chú trọng khâu tuyển chọn, bổ sung và đào tạo nguồn nhân lực để hình thành một đội ngũ chuyên nghiệp các nhà thiết kế, tư vấn và kiểm định công trình xây dựng.

### **I. Tổ chức nhân sự:**

Hiện nay Công ty có cán bộ là kỹ sư và công nhân lành nghề đủ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm để đảm đương được các công tác yêu cầu. Các phòng ban chức năng của Công ty như sau:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Số năm công tác
<b>I</b>	<b>Ban lãnh đạo</b>				
1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1991	Thí nghiệm	Giám đốc công ty	18 năm
2	Ngô Trí Sơn	1988	Kỹ sư thủy lợi	P. giám đốc công ty + Trưởng PTN	12 năm
4	Nguyễn Thị Thụ	1987	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	06 năm
<b>II</b>	<b>Phòng tài chính - kế toán</b>				
1	Nguyễn Thị Thụ	1987	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	06 năm
2	Bùi Thị Duyên	1994	Trung cấp kế toán	Kế toán	04 năm
4	Hoàng Thị Thảo	1985	Trung cấp tài chính	Thủ quỹ	02 năm
<b>III</b>	<b>Phòng thí nghiệm + Kiểm định chất lượng công trình</b>				

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

## Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88.

Trụ sở chính: Số 272, Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn



1	Ngô Trí Sơn	1988	Kỹ sư Xây dựng	Trưởng P.TN	19 năm
2	Dương Văn Dân	1991	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	12 năm
3	Hồ Sỹ Nhung	1992	Cao đẳng nghề	Nhân viên	11 năm
4	Hoàng Mạnh Tuấn	1989	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	18 năm
5	Lưu Đình Hùng	2000	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	5 năm
6	Mạnh Lộc Thắng	1978	Bằng nghề	Nhân viên	17 năm
7	Nguyễn Hữu Ngọc	1971	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	20 năm
8	Phạm Việt Hùng	1988	Trung cấp nghề	Nhân viên	17 năm
9	Trần Đình Nam	1996	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	13 năm
10	Trần Mạnh Thương	1982	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	20 năm
11	Trương Xuân Giang	1986	Chứng chỉ nghề	Nhân viên	19 năm
12	Trần Công Bình	1977	Thí nghiệm	Nhân viên	23 năm
13	Hoàng Văn Bắc	1977	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	10 năm

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn*



## **II . Hệ thống Trang thiết bị và máy móc**

Hầu hết trang thiết bị và máy móc của Công ty đều được mua mới và đã qua kiểm định chất lượng. Trong quá trình hoạt động Công ty sẽ tiếp tục bổ sung các thiết bị mới, hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất
<b>A</b>	<b>Thiết bị khảo sát địa hình</b>			
1	Máy toàn đạc điện tử Sokkia Power Set-1010	Cái	1	Nhật Bản
2	Máy toàn đạc Leica TC-1010		1	Thụy Sĩ
3	Máy thủy bình Ni-004	“	1	Đức
4	Máy thủy bình Leica-Nak 2	“	1	Thụy Sĩ
<b>B</b>	<b>Thiết bị khoan địa chất</b>			
1	Máy khoan địa chất XJ100	Cái	1	Trung Quốc
2	Bộ khoan tay	“	1	Trung Quốc
<b>C</b>	<b>Thiết bị Thí nghiệm kiểm định</b>			
<b>1</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm đất</b>			
1.1	Bộ sàng tiêu chuẩn	Bộ	3	Trung Quốc
1.2	Cối chà Protot cải tiến	“	1	Việt Nam
1.3	Cối chà Protot tiêu chuẩn	“	1	Việt Nam
1.4	Dụng cụ Casagrand	“	1	Việt Nam
1.5	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên	“	1	Việt Nam
1.6	Máy nén CBR	“	1	Trung Quốc
1.7	Máy cắt đất	Cái	1	Trung Quốc
1.8	Máy nén đất	Cái	1	Trung Quốc

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

## Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.

Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)



<b>2 Thiết bị thí nghiệm đá dăm (sỏi), cát</b>				
2.1	Bộ sàng đá dăm (sỏi)	Bộ	3	Trung Quốc
2.2	Máy cưa đá	Cái	1	Trung Quốc
2.3	Máy mài mòn Losangerles	“	1	Trung Quốc
2.4	Thùng đong thể tích	“	3	Trung Quốc
2.5	Thước đo thoi dẹt	“	1	Việt Nam
2.6	Giò cân thủy tĩnh	“	1	Việt Nam
2.7	Bộ sàng cát	Bộ	3	Trung Quốc
2.8	Bình tỷ trọng	Cái	1	Trung Quốc
2.9	Dung dịch Natri,			
3.0	Magiê sunphat.			
3.1	Hóa chất: AgNO <sub>3</sub> , HNO <sub>3</sub> , NH <sub>4</sub> SCN, FeNH <sub>4</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> .12H <sub>2</sub> O, H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>			
3.2	Giấy lọc định lượng không tro			
3.3	Lò Nung	Cái	1	Trung Quốc
<b>3 Thiết bị thí nghiệm xi măng</b>				
3.1	Dụng cụ Vica	Cái	1	Trung Quốc
3.2	Khuôn đúc mẫu nén	Bộ	2	Trung Quốc
3.3	Khuôn đúc mẫu uốn	Bộ	2	Trung Quốc
3.4	Thùng hấp mẫu	Cái	1	Việt Nam
3.5	Sàng độ mịn	“	1	Trung Quốc
3.6	Máy nén	“	1	Trung Quốc
3.7	Khuôn Le chatelier xác định độ ổn định thể tích	Bộ	1	Trung Quốc
<b>4 Thiết bị thí nghiệm bê tông xi măng và vữa</b>				
4.1	Máy kéo, nén vạn năng	Cái	1	Trung Quốc
4.2	Máy nén bê tông	Cái	1	Trung Quốc

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

## **Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn*



4.3	Khuôn đúc mẫu bê tông	Bộ	3	Trung Quốc
4.4	Khuôn đúc mẫu vữa	Bộ	3	Trung Quốc
4.5	Côn thử độ sụt	Cái	5	Việt Nam
4.6	Máy trộn bê tông	“	1	Trung Quốc
4.7	Máy trộn vữa	“	1	Trung Quốc
<b>5</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm thép</b>			
5.1	Máy kéo uốn vạn năng	Bộ	1	Trung Quốc
5.2	Kính lúp	Cái	2	Nhật Bản
<b>6</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm nhựa đường, bi tum</b>			
6.1	Dụng cụ đo độ kim lún	Bộ	1	Trung Quốc
6.2	Máy dẫn dài	Cái	1	Trung Quốc
6.3	Dụng cụ đo nhiệt độ hoá mềm	Bộ	1	Trung Quốc
6.4	Dụng cụ đo nhiệt độ bắt lửa	Bộ	1	Trung Quốc
6.5	Bình tỷ trọng	Cái	3	Trung Quốc
<b>7</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm bê tông nhựa</b>			
7.1	Bộ sàng	Bộ	3	Việt Nam
7.2	Máy nén Mashall	Cái	1	Trung Quốc
7.3	Máy đầm Mashall	Cái	1	Trung Quốc
7.4	Máy hút chân không	Cái	1	Trung Quốc
7.5	Thùng ổn nhiệt	Cái	1	Trung Quốc
7.6	Lò nung	Cái	1	Việt Nam
7.7	Máy chiết ly tâm	Cái	1	Trung Quốc
7.8	Máy khoan lấy lõi	Cái	1	Trung Quốc
<b>8</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm hiện trường</b>			
8.1	Phễu rót cát đo độ chặt	Bộ	5	Việt Nam
8.2	Dao đai	Bộ	5	Trung Quốc
8.3	Cần Benkelman	Bộ	1	Việt Nam

## HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

### Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.

Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [somngotri99999@gmail.com.vn](mailto:somngotri99999@gmail.com.vn)

8.4	Súng bột nẩy SCHMITD	Cái	3	Đức
8.5	Thước 3m đo độ bằng phẳng	Cái	5	Trung Quốc
8.6	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường	Bộ	1	Việt Nam
8.7	Máy đo điện trở đất	Cái	1	Trung Quốc
8.8	Thiết bị PIT	Bộ	1	Trung Quốc
<b>9</b>	<b>Các thiết bị khác</b>			
9.1	Cân điện tử	Cái	3	Nhật Bản
9.2	Ống đong 100;500;1000ml	“	20	Việt Nam
9.3	Tủ sấy	“	1	Trung Quốc
9.4	Bình hút ẩm	“	1	Việt Nam
9.5	Bộ chia mẫu	“	1	Việt Nam
9.6	Khay tôn	“	20	Việt Nam
9.7	Khay nhôm	“	20	Việt Nam
<b>D</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>			
1	Máy photocopy RICON 7750	Cái	1	Nhật Bản
2	Máy in A3 - HP Laser Jet 5100	“	1	Nhật Bản
3	Máy in A4 - HL - 2040	“	2	Nhật Bản
4	Máy tính để bàn	“	10	Đông Nam A
5	Máy tính xách tay	“	2	Nhật Bản
6	Máy Fax	“	1	Nhật Bản
<b>E</b>	<b>Thiết bị vận tải</b>			
1	Ô tô bán tải	Cái	1	Hàn Quốc
2	Ô tô 4 chỗ	“	1	Nhật Bản

### III. Máy móc thiết bị phục vụ công tác thử tải

STT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy thủy bình + mia	Đức	

## HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn*



2	Tenjômét điện và lá điện trở	Nhật	
3	Tenjômét đòn	Nga	
4	Indicatteur và các bộ giá	Nhật	
5	Máy tính xách tay + Máy in	Nhật	
6	Máy phát điện	Nhật	
7	Máy đo dao động và đầu đo	Nhật	
8	Máy ảnh kỹ thuật số	Nhật	
9	Máy bộ đàm	Nhật	
10	Hệ thống sàn đạo, thang ...	Việt Nam	
11	Thiết bị bảo đảm an toàn cho người và máy	Nhật	
12	Xe ô tô chở tải, tổng tải trọng 26T - 30T	Việt Nam	
13	Ô tô chuyên quân và thiết bị	Việt Nam	

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

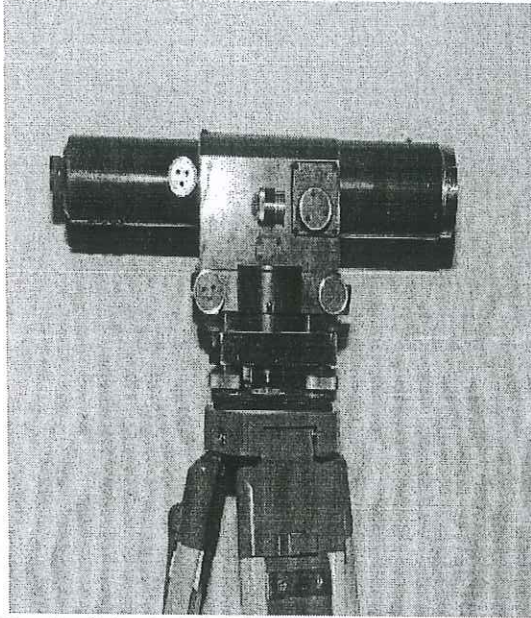
**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

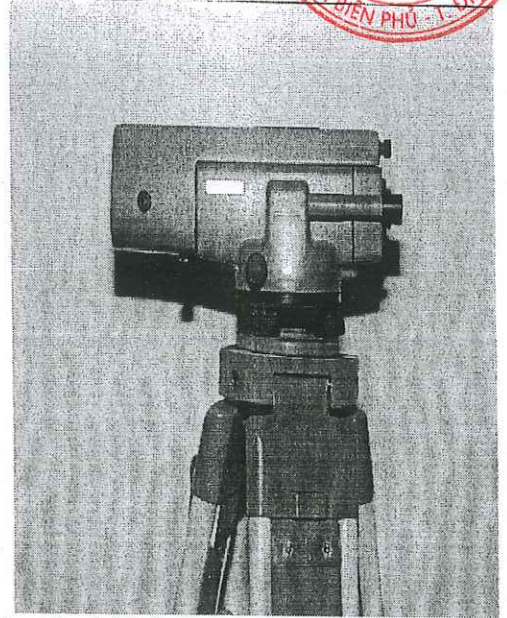
*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn*



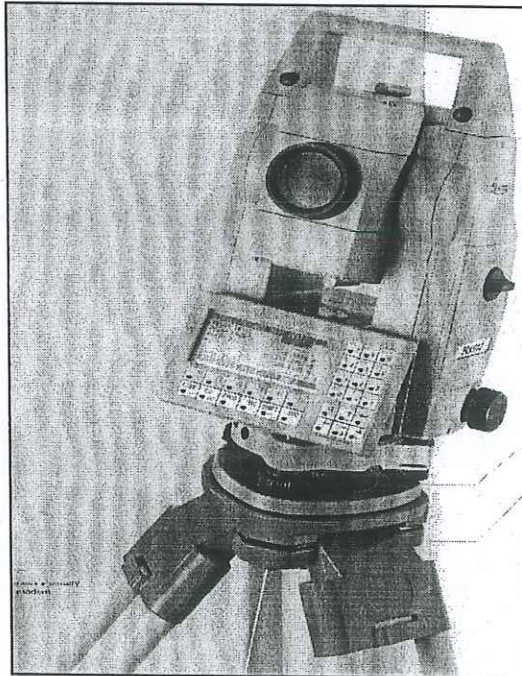
## Hình ảnh một số thiết bị khảo sát địa hình



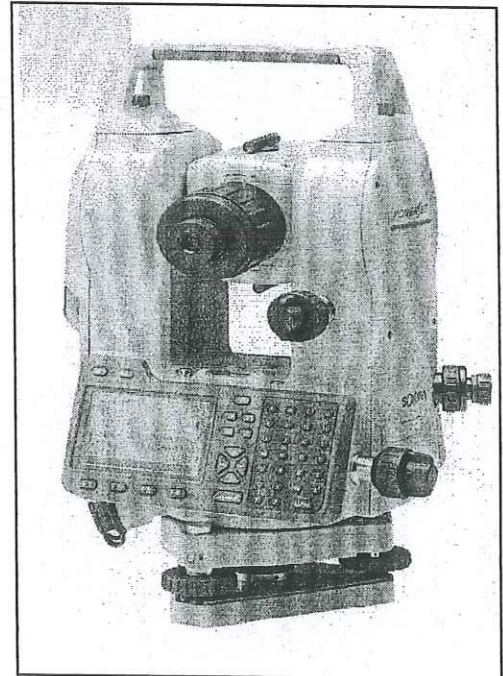
Máy thủy bình Ni-004 của Đức



Máy thủy bình Leica-Nak 2



Máy toàn đạc Leica TC – 1010



Máy toàn đạc điện tử Sokkia power-set 1010

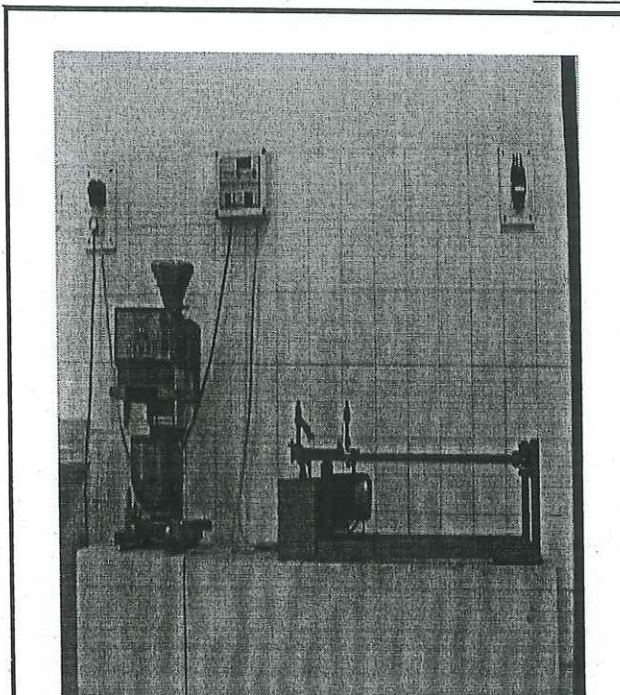
## Hình ảnh một số thiết bị thí nghiệm kiểm định

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

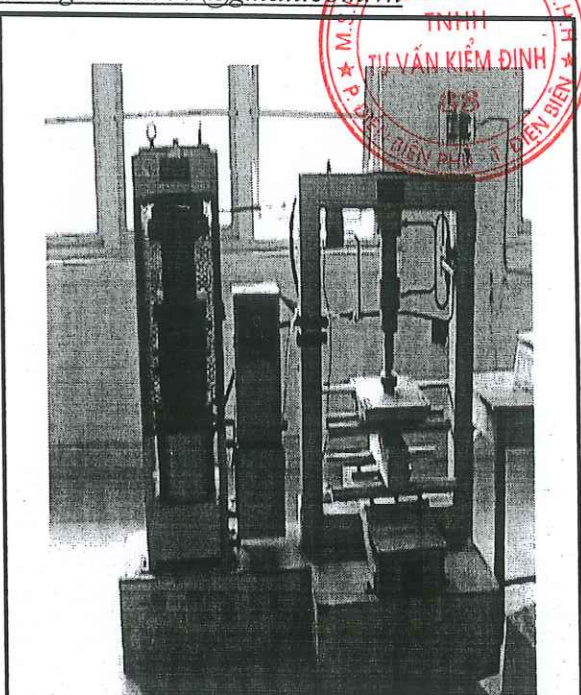
**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên*

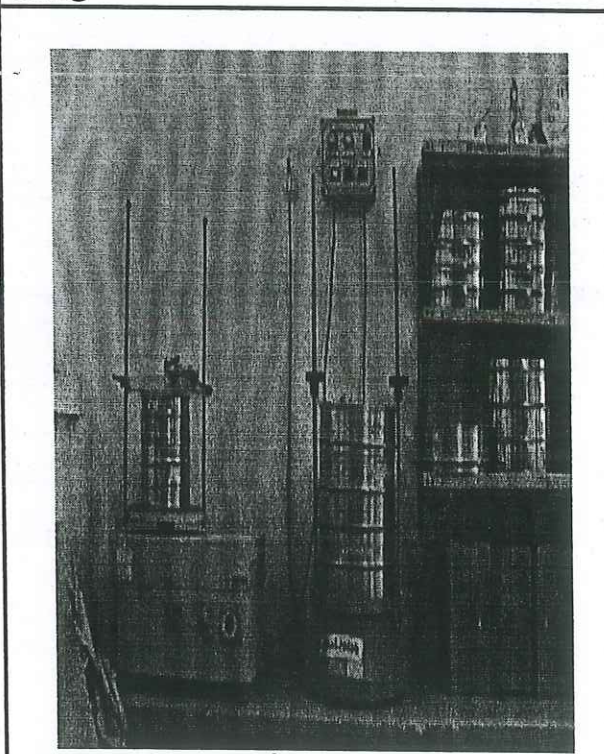
*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com](mailto:sonngotri99999@gmail.com)*



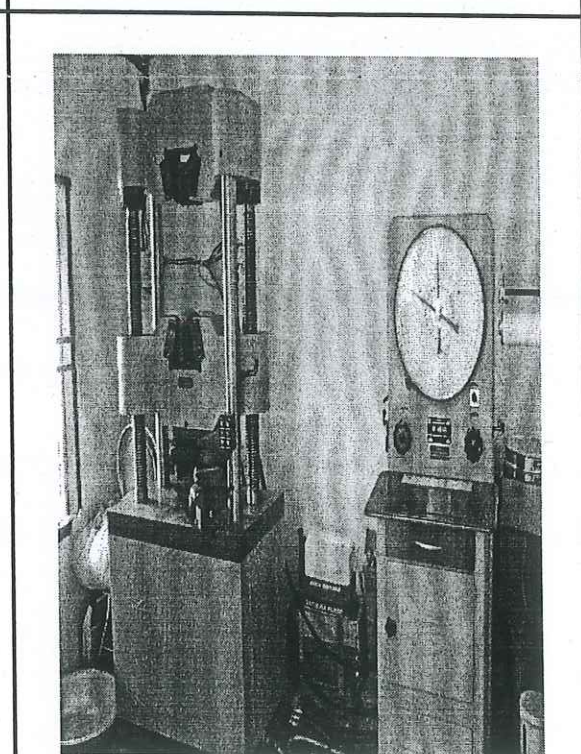
Máy trộn vữa và bàn dẫn đúc mẫu vữa xi măng



Máy nén uốn vữa



Bộ sàng và máy lọc sàng



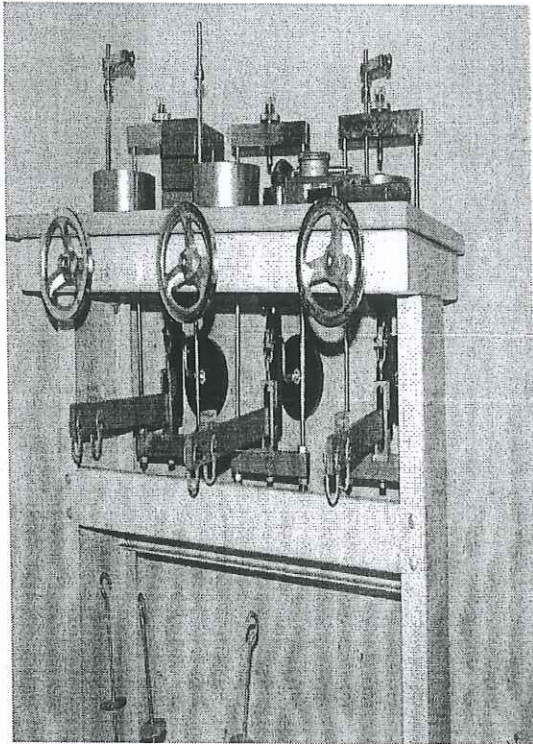
Máy đa năng

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

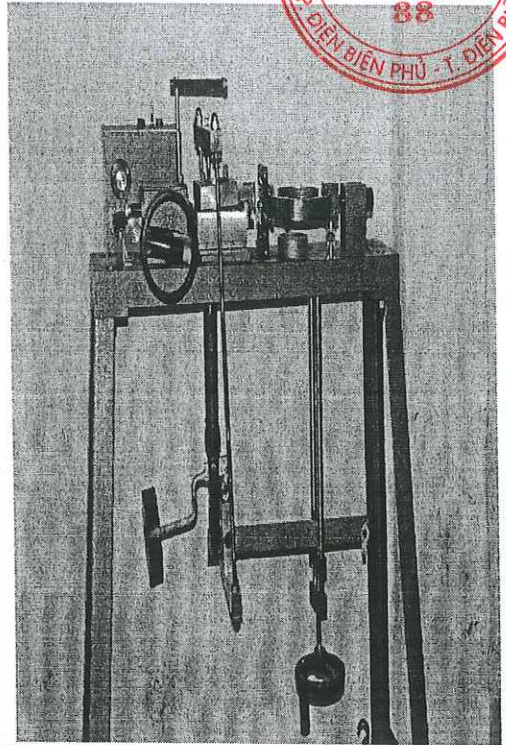
Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.

Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

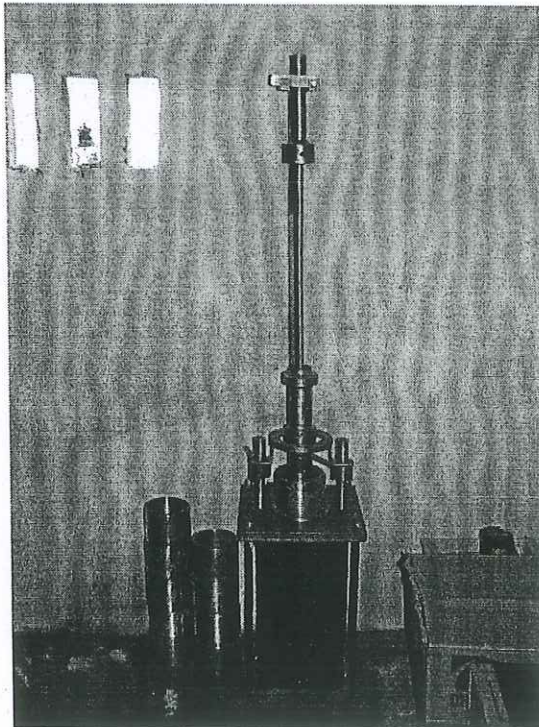
Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)



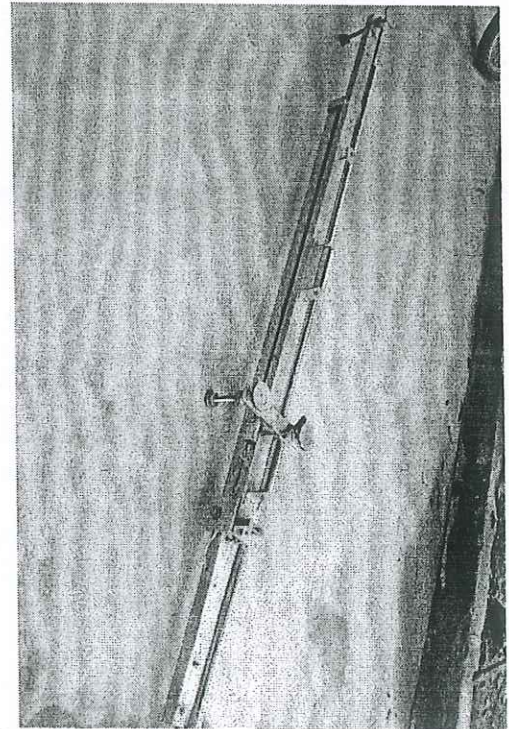
Máy nén đất



Máy cắt đất



Giá đầm Marshall



Cần Benkelman

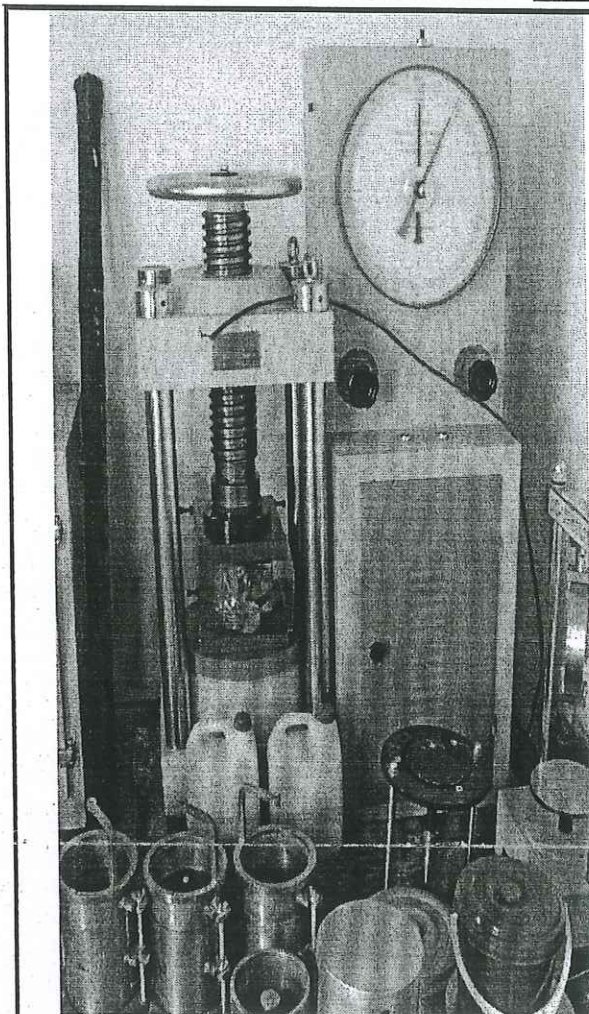
--	--

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

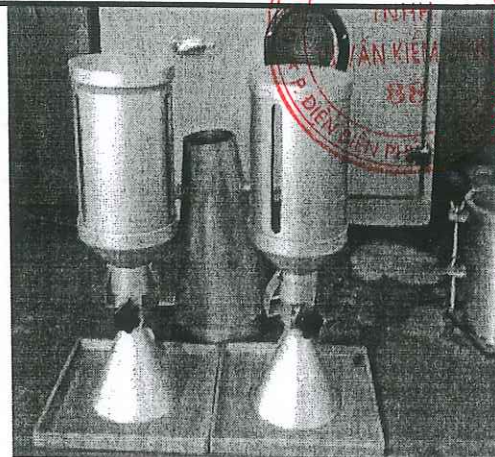
**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên*

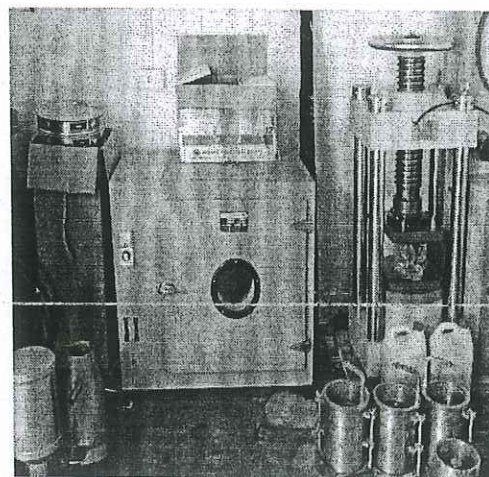
*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)*



Máy nén bê tông



Phễu rót cát



Tủ sấy

# HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY

**Công ty TNHH tư vấn Kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272 - Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: sonngotri99999@gmail.com.vn*

## **IV . CÁC PHẦN MỀM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

<b>TT</b>	<b>Tên phần mềm</b>	<b>Ứng dụng</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Phần mềm Surface 2.0	Đo vẽ bản đồ địa hình	
2	Phần mềm Logsoft 7.06	Vẽ mặt cắt địa chất, hình trụ hố khoan	
3	Phần mềm Nova 4.01	Thiết kế đường	
4	Phần mềm Roades	Thiết kế đường	
5	Phần mềm Sap 2000	Thiết kế kết cấu	
6	Phần mềm Auto cad 2007	Thiết kế xây dựng	
7	Phần mềm DT2000	Dự toán xây dựng	
8	Phần mềm Hitosoft 2006	Dự toán xây dựng	
9	Phần mềm Microsoft Project 2000	Quản lý dự án	
10	Phần mềm MR 2006	Thiết kế cầu	
11	Phần mềm Slope/W	Tính toán ổn định mái dốc	

Sau một thời gian ngắn hoạt động trong lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế và kiểm định công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu Công ty đã tạo được niềm tin và uy tín đối với khách hàng qua công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện hợp đồng, bước đầu đã được Chủ đầu tư đánh giá cao về năng lực và tiến độ. Với phương châm lấy **Chất lượng sản phẩm và dịch vụ** làm tiêu chí hoạt động cùng với một đội ngũ kỹ sư có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn kết hợp với trang thiết bị và công nghệ hiện đại Công ty mong muốn được hợp tác với tất cả các đối tác để ngày càng vươn lên ngang tầm với sự đổi mới của đất nước.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN**

**KIỂM ĐỊNH 88**



**Nguyễn Thị Kiều Oanh**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

WATER RESOURCES UNIVERSITY

has conferred

# THE DEGREE OF ENGINEER

*Major in: Civil Engineering*

Upon:

**MR. NGO TRI SON**

Date of birth:

**18 August 1988**

Year of graduation:

**2013**

Degree classification:

**Ordinary**

Mode of study:

**Part-time**

Reg. No: 141.DB2.44.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

cấp

# BẰNG KỸ SƯ

*Ngành đào tạo: Kỹ thuật công trình xây dựng*

Cho:

**ÔNG NGÔ TRÍ SON**

Ngày sinh:

**18/8/1988**

Năm tốt nghiệp:

**2013**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Vừa làm vừa học**

Hà nội ngày 10 tháng 01 năm 2013



Số hiệu: **158913**

Số vào sổ cấp bằng: **141.DB2.44.19**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ XÂY DỰNG  
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

# CHỨNG NHẬN

Ông (bà): **Ngô Trí Sơn**

Sinh ngày: **18-08-1988**

Nơi sinh: **Nghệ An**

Đã học xong chương trình: **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**

**Tập trung**

Ngày: **26-11-2012** đến ngày: **30-11-2012**

Hà Nội, ngày **30 tháng 12 năm 2012**

Giám đốc

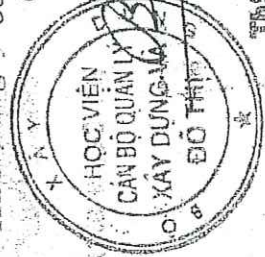


VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VIỆN

CÔNG CHỨNG VIỆN

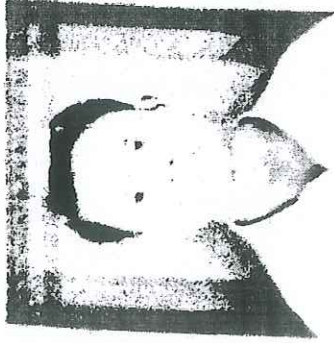


Vào sổ ĐK số: **0220-2012**



THS: **Đức Cường**

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Ngo Tri Son**

Has successfully passed the Training Course on

**Field and Laboratory Testing Methods for  
Determining the Physico-Mechanical  
Properties of Soils**

**In September 2007**

**Ref. No. 2443/2007/VKH-TNXD**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Ngô Trí Sơn**

Ngày sinh: **18/8/1988** - Quê quán: **Nghệ An**

Cơ quan:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý  
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 9 năm 2007

Tại: Viện KHCN Xây dựng

**Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2007**

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG



PGS., TS. **Cao Diety Tiên**

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified (test) **TRUNG GIANG**  
Mir/Mrs: **TRUONG XUAN GIANG**  
Has successfully passed Training Course on  
The tester tested the mechanical properties of cement, concrete  
and aggregate for concrete  
In January 2021

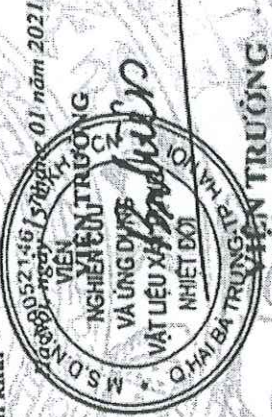
Ref. No: 17419-A17421B/VND-TNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**  
VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
CHỨNG NHẬN

**TRUONG XUAN GIANG**  
Ông:  
Ngày sinh: 10 - 10 - 1986  
Thường trú: Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:  
Thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của xi măng, bê tông  
và cốt liệu cho bê tông.  
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới  
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.  
Thời gian đào tạo: Tháng 01 năm 2021  
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



PGS.TSKH. *Bach Dinh Lien*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

**Cấp**

**CHỨNG CHỈ**

**PHÒNG CHỐNG, DIỆT TRỪ MỐI VÀ CÔN TRÙNG**

**GÂY HẠI CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Cho ông/bà: **NGÔ TRÍ SƠN**

Ngày, tháng, năm sinh: **18/08/1988**

Nơi sinh: **Nghệ An**

Đã hoàn thành khóa học:

*Phòng chống, diệt trừ mối và côn trùng gây hại cho công trình xây dựng*

Tổ chức tại: Trường Đại học Lâm nghiệp

Từ ngày: 29/09/2022 đến ngày 10/11/2022

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2022



PGS.TS. *Phạm Minh Ngọc*

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 2022\_88

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

**Cấp**

**CHỨNG CHỈ**

**PHÒNG CHỐNG, DIỆT TRỪ MỐI VÀ CÔN TRÙNG  
GÂY HẠI CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Cho ông/bà: **NGUYỄN PHÚC ANH**

Ngày, tháng, năm sinh: **07/11/1992**

Nơi sinh: **Nghệ An**

Đã hoàn thành khóa học:

*Phòng chống, diệt trừ mối và côn trùng gây hại cho công trình xây dựng*

Tổ chức tại: Trường Đại học Lâm nghiệp

Từ ngày: 29/09/2022 đến ngày 10/11/2022

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2022



PGS.TS. Phạm Minh Hoài

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 2022\_87

# THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....  
Chữ ký của người  
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Hoàng Văn Bắc  
Ngày tháng năm sinh: 20/6/1977  
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 040077014663  
Cấp ngày: 16/8/2021 tại: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội  
Hệ đào tạo: Chính quy  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình Dân dụng	II	Từ 31/10/2022 đến 31/10/2027

Sơn La, ngày 31 tháng 10 năm 2022

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA**  
**GIÁM ĐỐC**



Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

# CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: SOL-00009248

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 381/QĐ-SXD ngày 31/10/2022)  
(Cấp bổ sung)



# THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....  
Chữ ký của người  
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Hoàng Văn Bắc  
Ngày tháng năm sinh: 20/6/1977  
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 040077014663  
Cấp ngày: 16/8/2021 tại: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Cơ sở đào tạo: Trường Đại học kiến trúc Hà Nội  
Hệ đào tạo: Chính quy  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng, công nghiệp

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế Kết cấu công trình	II	Từ 04/7/2023 đến 04/7/2028

Sơn La, ngày 04 tháng 7 năm 2023

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA  
GIÁM ĐỐC



*Handwritten signature*

HA NGỌC CHUNG



## THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người  
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Hoàng Văn Bắc  
Ngày tháng năm sinh: 20/6/1977  
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 040077014663  
Cấp ngày: 16/8/2021 tại: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội  
Hệ đào tạo: Chính quy  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Dân dụng, công nghiệp

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Định giá xây dựng	II	Từ 26/8/2023 đến 26/8/2028
2	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng	III	

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2023

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA  
CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



*Hoàng Văn Bắc*

HÀ NGỌC CHUNG



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT  
(TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CHỨNG NHẬN

*Đường Văn Lâm*

Cho ông bà: *Đường Văn Lâm*

Sinh ngày: *26/10/1991* Quê quán: *Bắc Từ Liêm*

Tính độ chuyên môn: *phổ thông trung học*

(Không thu fee đối tượng được cấp chứng chỉ hành nghề)

Đã hoàn thành chương trình đào tạo ngắn hạn Thị nghiệp viên

chuyên ngành xây dựng công trình giao thông.

Khởi: *21* Từ ngày *28* tháng *7* năm *2010* đến

ngày *26* tháng *8* năm *2010*.

Kết quả xếp loại: *Khá*

06 tháng 8 năm 2010



PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

*TS. Đào Huy Hoàng*

Số: *26* /CN-TNV



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Duong Van Dan**

Has successfully passed the Training Course on  
**Field and Laboratory Testing Methods for  
Determining the Physico-Mechanical  
Properties of Soils**

In October 2010

Ref. N°: 8942/2010/VKH-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Dương Văn Dân**

Ngày sinh: 24/10/1991 - Quê quán: **Bắc Giang**

Cơ quan: Công ty CP TN KD công trình trọng điểm 1

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của  
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 12/10/2010 đến 02/11/2010

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP**  
**CAO ĐẲNG NGHỀ**



Cho: **HỒ SỸ NIUNG**  
Ngày sinh: **03 - 02 - 1992** Giới tính: **Nam**  
Nơi sinh: **Đô Lương - Nghệ An**  
Nghề đào tạo: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**  
Khóa học từ tháng **09/2010** đến tháng **07 / 2013**  
Tốt nghiệp loại: **Trung bình khá**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2013



Số hiệu bằng: **339/ĐHCNGTVT-VN**

Vào sổ cấp bằng số: **339**

**TS. Đỗ Ngọc Viện**

Ngày 10 tháng 08 năm 2013

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Hoàng Mạnh Tuấn*

Sinh ngày: 27/12/1989

Nơi thường trú: Nghệ An

Tình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

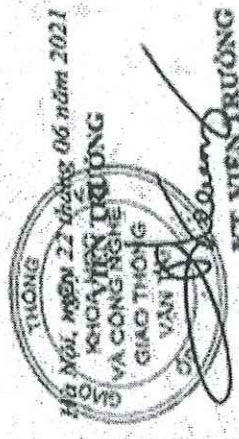
*Đào tạo Thi nghiệm viên ngân hàng*

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: 06

Tổ chức: 01/06 + 15/06/2021

Xếp loại: *Giỏi*



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Đinh Văn Tiến*

Số: 36.06.21/NKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: TRUNG HỌC GIAO THÔNG  
VĂN TÀI MIỀN TRUNG

Cấp cho: LÊ VĂN LỊCH

Sinh ngày: 27/05/1987

Nguyên quán: Điện Châu-Nghệ An

Nghề đào tạo: Thí nghiệm VLXD

Từ ngày: 05/10/2006 đến ngày 27/03/2008

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

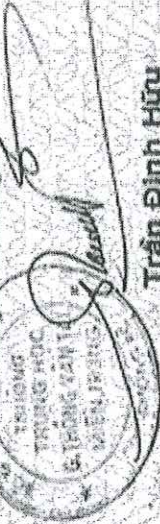
Tốt nghiệp hàng: Trung bình khá

Theo quyết định số: 181/QĐ-THG/VMT

Ngày: 27 tháng 03 năm 2008

Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2008

Hiệu trưởng



Trần Đình Hữu

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

### BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000978438

II ĐTBXII - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số 28 tháng 03 năm 2008



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

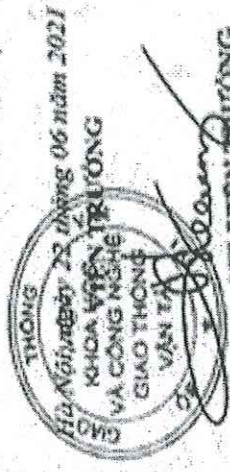
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



Cấp  
**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Đinh Văn Tiến*  
Sinh ngày: 28/10/2000  
Nơi thường trú: Nghệ An  
Trình độ chuyên môn:  
Đã hoàn thành chương trình:  
*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*  
Chuyên ngành: *Xây dựng*  
Khóa: 06      Tổ chức: 01/06 + 15/06/2021  
tại: *Thành phố Hà Nội*      Xếp loại: *Giỏi*

Số: 38.06.21/VKHCN-TNV  
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Đinh Văn Tiến*



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

**BẰNG NGHỀ**

Số hiệu: **000651602** /LĐTBXH -DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: **11/Đ.T.**  
Ngày: **20** tháng **5** năm **2006**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG**

Trưởng: **Trần Văn Mạnh**  
**Trần Văn Mạnh**

Cấp cho: **Nguyễn Văn Mạnh**

Sinh ngày: **01/10/1980**

Nguyên quán: **Phước Thọ - Nghệ An**

Nghề đào tạo: **Đào tạo thợ hàn**

Từ ngày **10/10/2005** đến ngày **20/12/2005**

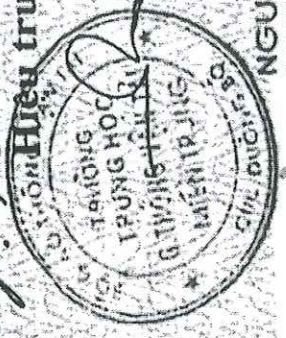
Đạt trình độ thợ bậc: **3/3**

Tốt nghiệp hạng: **Giỏi**

Theo quyết định số: **179/ĐD - TT/ĐT.MT**

Ngày: **20** tháng **5** năm **2006**

**Trần Văn Mạnh** Hiệu trưởng



NGUYỄN VĂN MẠNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT.

**CHỨNG CHỈ**

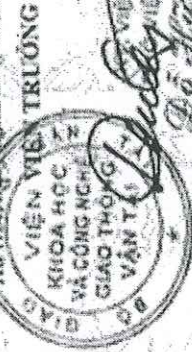
Cấp

Cho ông/bà: *Nguyễn Đức Chiến*  
Sinh ngày: *03/10/1970* tại quận: *Chợ Bè, Cần Thơ*  
Trình độ chuyên môn: *Thạc sĩ dạy dùng*

Đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ nghiên cứu viên ngành học  
Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: *12* Từ ngày: *24* tháng *01* năm *2012* đến  
ngày *16* tháng *06* năm *2012*  
Kết quả xếp loại: *Khá*

Hà Nội ngày *13* tháng *08* năm *2012*



*Đỗ Hữu Thủy*  
VIỆN TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

**CHỨNG CHỈ  
THÍ NGHIỆM VIÊN**



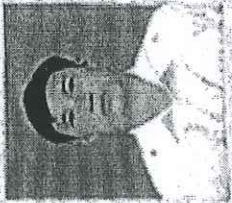
(Chức vụ hiện tại: *Thạc sĩ dạy dùng*)

Số: *21/TK/KHCN-TNV*

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Nguyen Huu Ngoc**

Has successfully passed the Training Course on:  
**Field and Laboratory Testing Methods for  
Determining the Physico-Mechanical  
Properties of Soils**

In October 2010

Ref. N°: 8041/2010/VKH-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chung nhân: Ông **Nguyễn Hữu Ngọc**

Ngày sinh: **10/10/1971** - Quê quán: **Nghệ An**

Cơ quan: Công ty CP TN KD công trình trọng điểm I

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của  
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 12/10/2010 đến 02/11/2010

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Ngày kết thúc: 11 tháng 11 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

## BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ



Cho: Phạm Việt Hồng

Ngày sinh: 12-7-1988 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Sơn Đông- Bắc Giang

Nghề đào tạo: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Khoá học từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2011

Tốt nghiệp loại: Trung bình khá

CHỖ CHỮ ĐÓNG VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRUNG ƯƠNG  
Ngày 01-01-2011  
Số CT: 01/01-2011

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ CHỦ TỊCH

Số hiệu bằng: 096

Vào sổ cấp bằng số: 1122

Ngày 01 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Trọng Minh



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Tran Cong Binh**

Has successfully passed the Training Course on  
**Field Test for Evaluation the Integrity  
and Bearing Capacity of Pile**

In February 2009

Ref. No: 4743/2009/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Trần Công Bình**  
Ngày sinh: **10/12/1977** - *Quê quán: Thái Bình*  
Cơ quan: Công ty CP TV kiểm định chất lượng xây dựng  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ  
toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**  
Thời gian tổ chức: Từ ngày 19/02 đến ngày 24/02/2009  
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2009  
VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến



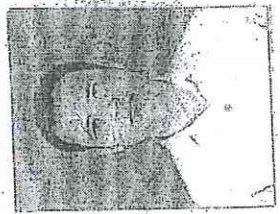
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ XÂY DỰNG  
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÓ THỊ

### CHỨNG NHẬN

*Trần Công Bình*

Ông (bà) .....  
Sinh ngày 10-12-1977 .....  
Quê quán: Thái Bình .....  
Tập huấn về Quản lý  
Đã học xong chương trình  
hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng  
Hệ Tập trung Thời gian 01 ngày (14/10/2008)  
Từ ngày ..... đến ngày .....



Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2008

Giám đốc  
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÓ THỊ

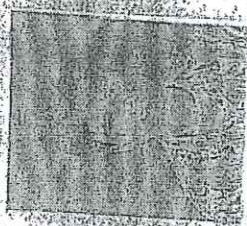
Ths. Phạm Xuân Điền

Số quyết định: 1129/QĐ-HVCBXD  
ngày 14 tháng 10 năm 2008



BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HẰNG TỐT NGHIỆP  
N G H Ề

Số hiệu đăng ..... 209601 ..... /GD-ĐT

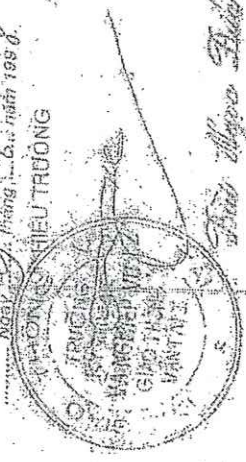


Vào sổ số ..... 3880  
Ngày ..... 29 ..... tháng 6 ..... năm 1998

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

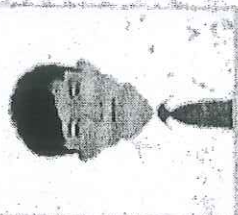
TRƯỜNG *Ty thục sư - Đẳng cấp III*  
Cấp cho: *Giáo sư - Giảng viên - Đại I*  
*Đinh Công Bình*  
Sinh ngày ..... 10 ..... 10 ..... 1977  
Nguyên quán: *Quê: Huyện Phú Bình*  
Học nghề: *Trường cao đẳng Sư phạm*  
Khóa: .....  
Từ ngày ..... 15 ..... 11 ..... 1977 đến ngày 10 ..... 10 ..... 1978  
Tốt nghiệp hạng .....  
Theo quyết định số .....  
Ngày ..... 29 ..... tháng 6 ..... năm 1998



*Đinh Công Bình*



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:  
**Mr. TRAN DINH NAM**  
Has successfully passed the Training Course on  
**Testing Methods for Determining the  
Physico-Mechanical Properties of  
Concrete and Building Materials**

Ref. N° 12679 /2015/VKII - TNND

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Công nhân: Ông **TRẦN ĐÌNH NAM**  
Ngày sinh: 26/06/1996 - Quê quán: Nghệ An  
Cơ quan:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:  
**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý  
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 18/9/2015 đến 07/10/2015  
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng



TS. Trịnh Việt Cường



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**MR. TRAN DINH NAM**

Has successfully passed the Training Course on

*Testing Methods for Determining  
the Physico - Mechanical Properties of  
Metallic Materials and Welding Joints*

Ref. No: 12856/2015/VKJ1-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **TRẦN ĐÌNH NAM**

Ngày sinh: 26/06/1996 - Quê quán: Nghệ An

Cơ quan: Công ty TNHH Kiểm định công trình trọng điểm

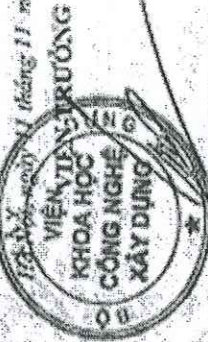
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

*Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của vật  
liệu kim loại và liên kết hàn*

Thời gian tổ chức: Từ ngày 26/10/2015 đến ngày 04/11/2015

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

*18 Tháng 11 năm 2015*



TS. Trịnh Việt Cường



VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that  
Mr/Mrs: TRAN MANH THUONG  
Has successfully passed Training Course on  
Mechanical and soil testing of soil and rock in room and field  
In January 2021

Ref. No: 17418-A17420B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: **TRẦN MẠNH THƯỜNG**

Ngày sinh: 12 - 09 - 1982

Thường trú: Lai Châu

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

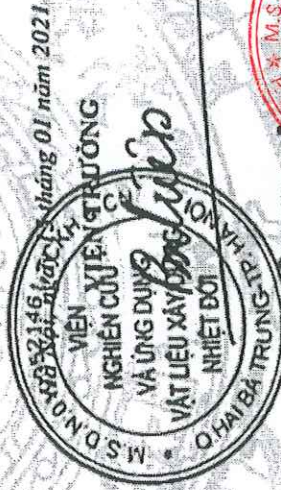
Thí nghiệm cơ lý của đất, đá trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 01 năm 2021

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Lanh*



SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người nhận: *[Signature]*

Số hiệu chứng chỉ: 2018080291/AHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG**

**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM  
CHỨNG NIẬN**

**Họ và tên:** PHẠM XUÂN HOÀNG  
**Ngày sinh:** 21 - 07 - 1996  
**Quê quán:** Sơn La  
**Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:**

**Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng**

**Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.**

**Thời gian đào tạo: Từ 12/03/2018 đến 19/03/2018**

**Kết quả học tập: Khá**

**Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018**



*[Signature]*  
G.S.T.S.K.H. *[Signature]*

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY**

**Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88.**

*Trụ sở chính: Số 272, Tổ 3 - P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.*

*Điện thoại: 0812.888.122 - Email: [sonngotri99999@gmail.com.vn](mailto:sonngotri99999@gmail.com.vn)*

---

**PHẦN III**

**CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH  
THIẾT BỊ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4414.26

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị siêu âm bê tông

Kiểu (Type): C369N Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 0072

Nơi sản xuất (Manufacturer): Matest - Italy

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Thang đo: 0.1 - 9999  $\mu$ s  
Độ phân giải: 0.1  $\mu$ s (< 793  $\mu$ s), 1  $\mu$ s (> 793  $\mu$ s)

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of testing): Đo, kiểm tra chức năng hoạt động của máy  
Phép đo thời gian truyền sóng siêu âm qua thanh mẫu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thước đo; U= 0,03mm  
Thanh mẫu chuẩn 42,5  $\mu$ s

Kết quả (Results):

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả ( $\mu$ s)	42,5	42,5	42,6	42,5	42,4

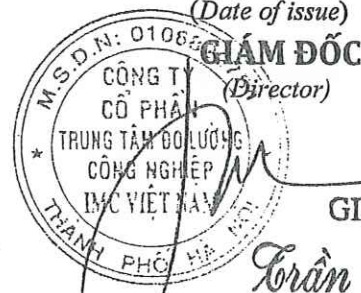
- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (25  $\pm$  2) °C; độ ẩm 65 %RH

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: 31 - 03 - 27  
(Retesting recommended)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC

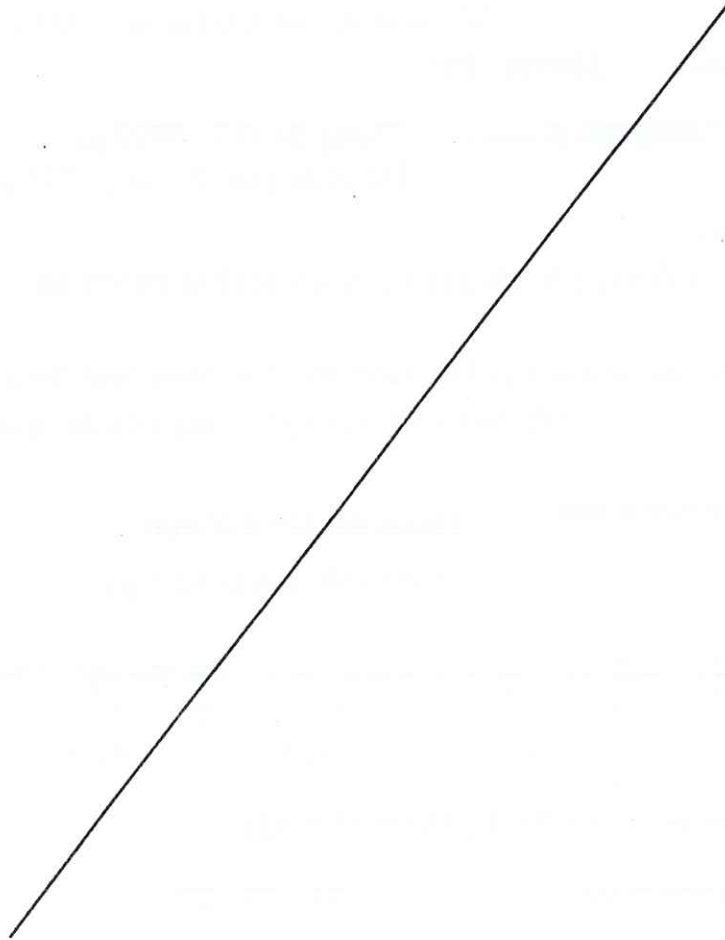
Trần Đình Tấn

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khỏi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Trang: 2/2  
(No of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4415.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Kích thủy lực**

Kiểu (Type) : **CP-700-2** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 200 Ton**  
**Đồng hồ áp suất: (0 ÷ 100) Mpa;**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,24.10<sup>-2</sup>**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**  
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIẢM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4415.26

STT	Áp suất đầu vào (Mpa)	Lực nén đo được trên chuẩn (kN)
1	0,0	0,0
2	10,0	305,3
3	20,0	617,1
4	30,0	931,2
5	40,0	1243,7
6	50,0	1557,3
7	60,0	1872,2

**Phương trình hiệu chuẩn:**

$$y = 31,24x - 4,80$$

Với y là lực (kN) và x là giá trị đọc trên kích (Mpa)

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4416.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type): SLF-400

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): 2508420

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Tốc độ vòng quay: (1600 - 2200 - 2600 - 2800) vòng/phút

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 09

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4416.26



STT	Giá trị đặt (vòng/phút)	Đo được (vòng/phút)
1	1600	1602
2	2200	2203
3	2600	2607
4	2800	2808

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4417.26

Tên phương tiện đo (Object): **Súng bật nảy thử cường độ bê tông**

Kiểu (Type): C380 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): C380/BB/0621

Nơi sản xuất (Manufacturer): MATEST

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo : 0 - 70 N/mm2

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn  $79 \pm 2$ ;  $U = 2R$

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC  
Trần Đình Lân

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4417.26

**Giá trị bất nẩy của búa khí thử trên đe chuẩn**

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	78	78	79	78	79

- Nhiệt độ hiệu chuẩn :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;
- Với độ không đảm bảo đo :  $U = 2,0 R$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№) : **IMC.4402.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type) : **TYA-2000** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2786**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 2000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10<sup>-2</sup>**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

  
**Trần Đình Tuấn**

**GIÁM ĐỐC**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4402.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	200	200,5	-0,25
3	400	401,3	-0,32
4	600	602,7	-0,45
5	800	803,1	-0,39
6	1200	1204,2	-0,35
7	1400	1405,8	-0,41
8	1800	1806,1	-0,34

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4403.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Dụng cụ Vicat**

Kiểu (Type) : **Cơ khí** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **4403.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **TCVN 6017 - 2015**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-11**

**Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Panme  $U = (1 + 6L) \mu\text{m}$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )

Lực kế chuẩn,  $U = 0,14 \cdot 10^{-2}$  ( $k = 1; P \approx 95\%$ )

Thước cặp điện tử  $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

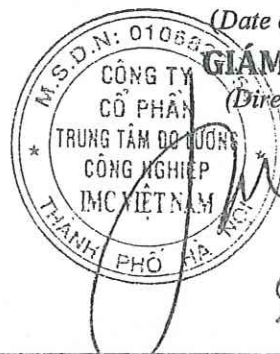
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Lorân Đình Loan**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4403.26

	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả Giá trị đo được
1	Đường Kính kim thử độ dẻo chuẩn	1,13±0,05mm	1,15mm
2	Chiều dài kim thử độ dẻo chuẩn	50±1mm	50,60mm
3	Kích thước đỉnh khuôn đông kết	65±5mm	64,65mm
4	Kích thước đáy khuôn đông kết	75±5mm	74,12mm
5	chiều cao khuôn đông kết	40±0,2mm	40,11mm

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
24,0	55,0

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4404.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thùng hấp mẫu xi măng**

Kiểu (Type) : **Cơ khí** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Nhiệt độ: đến 100 °C**

**Độ phân giải (Resolution): 1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;**

**Độ không đảm bảo đo U = 0,2 °C**

**Bể điều nhiệt; độ ổn định 0,05 °C**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tấn**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4404.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn đo được (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) $p = 95\%CL, k = 2$
60	61,2	1,2	2,0
80	81,1	1,1	
100	101,1	1,1	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC. 4405.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **MH-II (MH-J)** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **2603088**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 7572-12:2006;  
ASTM C131; AASHTO T96**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đồng hồ đo tốc độ vòng quay;  
Thước cặp điện tử;  
Lực kế chuẩn,**

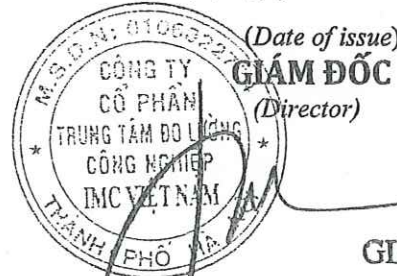
Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4405.26

Chỉ tiêu	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Tốc độ vòng quay	30 vòng/phút	(30 ± 2) vòng/phút
Đường kính bi	48 mm	(47,4 - 47,8) mm
Trọng lượng bi	(390 - 445) g	(389,2 - 445,7) g

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
23,0	55,0

Với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,6 \cdot 10^{-2}$  hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy  $P = 95 \%$ .



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4406.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường**

Kiểu (Type): **SZR-3** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **250903**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **AASHTO T49, ASTM D5**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-10**

**Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Cân kỹ thuật,  $U = 1.10^{-3}$**

**Thiết bị đo độ dài: Pan me,  $d = 0,001$  mm. Thước cặp  $d = 0,001$  mm**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4406.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng trục kim và kim	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,02 g
2	Khối lượng quả tải trọng 1	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,03 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	$(100 \pm 0,05)$ g	100,01 g	0,02 g
4	Đường kính thân kim	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	1,01 mm	0,005 mm

- Nhiệt độ hiệu chuẩn :  $(25 \pm 2)$  °C;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4407.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị thử hóa mềm nhựa đường**

Kiểu (Type) : SYD2806E (LD-2000) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 251020

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max 180°C  
Độ phân giải (Resolution): 10 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8402-20/HIOKI;

Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC  
(Director)

GIÁM ĐỐC  
Trần Đình Hải

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4407.26



Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
100	106	-6	
150	156	-6	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4408.26

Tên phương tiện đo (Object): Bộ thí nghiệm bốc cháy nhựa

Kiểu (Type): SYD-3536 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 251113

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Max 400 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp; Theo yêu cầu khách hàng.

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ đo nhiệt độ đa kênh;  
Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2^\circ\text{C}$

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau.  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

*[Signature]*

**Phạm Quang Duy**



GIÁM ĐỐC  
*[Signature]*  
**Trần Đình Tấn**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4408.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C	Số hiệu chỉnh, °C
80	80,7	0,7
125	125,8	0,8
200	201,3	1,3
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4409.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Áp kế - Bơm hút chân không**

Kiểu (Type) : **V-i120SV** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **A2006216B**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Taiwan**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): (-0,1 ÷ 0) MPa**

**Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0,002 MPa**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-17**

**Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Áp kế chuẩn model : DPI620/PM620**

**Độ không đảm bảo đo U = 0.025% , chuẩn được liên kết với VMI**

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Lần Đình Tấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4409.26

	P chuẩn (standard) MPa	P đo th (test mean) MPa	$\Delta P$ MPa	(*)U <sub>exp</sub> MPa
1	-0,10	-0,100	0,000	0,02
2	-0,08	-0,081	-0,001	0,02
3	-0,06	-0,061	-0,001	0,02
4	-0,04	-0,040	0,000	0,02
5	-0,02	-0,020	0,000	0,02
6	0,00	0,000	0,000	0,02

## Điều kiện hiệu chuẩn (Calibration conditions) :

Nhiệt độ (Temperature):  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity):  $(50 \pm 10) \%RH$



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4410.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Cần đo Benkelman**

Kiểu (Type) : N/A

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 4410.26

Nơi sản xuất (Manufacturer) :

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Tiêu chuẩn AASHTO T256; Tỷ lệ 2 : 1

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 12

Cần đo Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : IMC.TB3.01 - Căn mẫu cấp chính xác 1

The Standard devices are traceable to national standards

Kết quả (Results) :

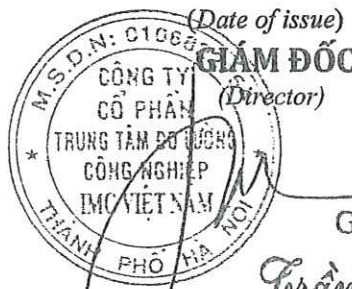
Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



(Date of issue)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4410.26

	Căn mẫu (mm)	Chỉ thị trên đồng hồ (vạch x 0,01 mm)	Độ không đảm bảo đo
	2	98	0,59
2	5	249	0,60
3	6	298	0,52
4	7	347	1,14
5	8	396	1,18
6	11	547	1,20
7	13	646	1,32

- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(25 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ ;
- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  $P = 95\%$  ( $k = 2$ ).

(Expanded measurement uncertainty U with coverage factor  $k = 2$ ; confidence level of  $P = 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4411.26

Tên phương tiện đo (Object): **Phương tiện đo điện trở- Máy đo điện trở đất**

Kiểu (Type): VITOR 4105A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 101996007

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): (0~20) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±0,1 dgt
(0~200) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt
(0~2000) Ω	ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): IMC.OHM-1.0

Dụng cụ đo điện trở - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Hộp điện trở chuẩn

Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

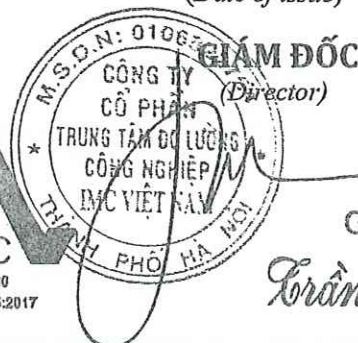
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

  
Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC  
(Director)  
  
GIÁM ĐỐC  
Trần Đình Toán

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4411.26

Thang đo	Giá trị chuẩn Std. Input Value	Giá trị đo được Reading Value	ĐKĐBBĐ Uncertainty (k=2;95%CL)
20 Ω	1	0,99	0,50%
	10	10,01	
	19	19,05	
200 Ω	10	10,1	
	100	100,7	
	190	191,8	
2000 Ω	100	102	
	1000	1006	
	1900	1907	

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
23,0	55,0

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ  $k = 2$

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4412.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Lò nung**

Kiểu (Type) : **4-10** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **692**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max 1000 °C**

Độ phân giải (Resolution): **1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-08**

**Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2 °C$**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4412.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
700	705	+5	10
750	756	+6	
800	808	+8	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4413.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cung lực - Máy thử độ bền nén CBR/ Marshall**

Kiểu (Type): **CAM-1A** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **2505636**  
(Seri cung lực : 785)

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ~ 50) kN  
Đồng hồ so: (0 - 10) mm; Giá trị độ chia: 0,01mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force manducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty): **U = 0,12.10<sup>-2</sup>**

Được liên kết tới hệ đơn vị đo Quốc tế SI thông qua chuẩn Quốc gia  
(The Standard devices are traceable to National Standards)

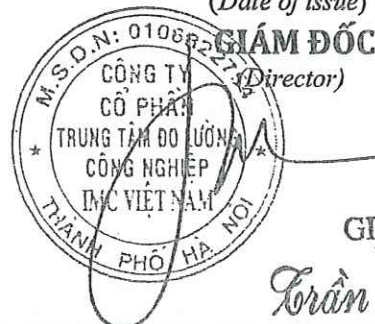
Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4413.26



STT	Lực đo (kN)	Số đọc trên đồng hồ (Vạch * 0,01mm)
1	0,0	0,0
2	5,0	23,9
3	10,0	45,6
4	15,0	68,7
5	20,0	91,3
6	30,0	135,7
7	40,0	180,6
8	50,0	226,5

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,00003x^2 + 0,2167x$$

Với y là lực (kN) và x là giá trị đọc trên đồng hồ so (vạch)

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:

$$U = 1,5 \cdot 10^{-2}, k = 2 \text{ với mức tin cậy } P = 95\%$$

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:

$$U = 1,5 \cdot 10^{-2}, k = 2, P = 95\%$$